

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **83/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 10-11-2020  
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Nhường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Giáp Văn Phẩm.

2. Ông Nguyễn Tất Bấy.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:*** Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị P**, sinh năm 1994. Có mặt.

Trú quán: Thôn Đ, xã S, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn X**, sinh năm 1990. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú quán: Thôn Đ, xã S, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị P, anh Hoàng Văn X thì nội dung vụ án như sau:*

Chị Hoàng Thị P kết hôn với anh Hoàng Văn X trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự

nguyện đến với nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình chị P và anh X có đến Ủy ban nhân dân xã S, huyện LN, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn vào tháng 11/2012. Sau ngày cưới chị P về nhà anh X làm dâu ngày và chung sống tại thôn Đ, xã S, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Chị P anh X đều xác định cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, chưa tìm hiểu nhau kỹ, không có tiếng nói chung, vợ chồng không thống nhất được công việc làm ăn hằng ngày, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Đến cuối năm 2017, chị P và anh X sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay, vợ chồng không liên lạc, hỏi thăm gì nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị P xác định không còn tình cảm với anh X, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh X ly hôn. Anh X xác định không còn tình cảm với chị P, chị P xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Chị P anh X có hai con chung là: Cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 30/01/2013 và cháu Hoàng Việt H, sinh ngày 30/01/2013. Khi ly hôn chị P nhận nuôi cháu Hoàng Việt H, anh X nuôi cháu Hoàng Anh T. Anh X có nguyện vọng nuôi cả hai con chung. Việc cấp cấp dưỡng nuôi con chị P anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị X anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại các biên bản lấy lời khai, cháu Hoàng Anh T và cháu Hoàng Việt H đều trình bày:* Việc bố mẹ ly hôn, cháu không có ý kiến gì. Bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được sống cùng bố.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị P vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn X. Về con chung chị đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Việt H, giao cho anh X nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh T. Việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị P: Cho chị Hoàng Thị P được ly hôn với anh Hoàng Văn X.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị P nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Hoàng Việt H, sinh ngày 30/01/2013, giao cho anh Hoàng Văn X nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Hoàng Anh T, sinh ngày 30/01/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Miễn cho chị Hoàng Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do chị P là “Đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn”.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Hoàng Văn X. Hiện nay anh Hoàng Văn X đang cư trú tại thôn Đ, xã S, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Hoàng Văn X vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn X.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị P và anh Hoàng Văn X tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện LN, tỉnh Bắc Giang vào ngày 15/11/2012, do vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong công việc làm ăn hàng ngày. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, chị Hoàng Thị P vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh Hoàng Văn X. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn X cũng xác định không còn tình cảm và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Hoàng Thị P. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh X đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị P, cho chị Hoàng Thị P được ly hôn với anh Hoàng Văn X là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Chị Hoàng Thị P và anh Hoàng Văn X có 02 con chung là Hoàng Anh T, sinh ngày 30/01/2013 và Hoàng Việt H, sinh ngày 30/01/2013. Vợ chồng ly hôn, chị Hoàng Thị P đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị nuôi dưỡng, anh Hoàng Văn X đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng xin nuôi con của chị P và anh X là chính đáng. Chị P và anh X đã có chỗ ở tại thôn Đảng, xã Sa Lý, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, công việc hiện nay của vợ chồng đều là lao động tự do. Các con chung đều được vợ chồng nuôi dưỡng phát triển đảm bảo. Vì vậy cần giao cho chị Hoàng Thị P và anh Hoàng Văn X, mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Hoàng Anh T cho anh Hoàng Văn X trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Việt H cho chị Hoàng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Hoàng Thị P và anh Hoàng Văn X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hoàng Thị P và anh Hoàng Văn X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị P là “Đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn”. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, miễn cho chị Hoàng Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị P: Cho chị Hoàng Thị P được ly hôn với anh Hoàng Văn X.

**2.** Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị P nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Hoàng Việt H, sinh ngày 30/01/2013; giao cho anh Hoàng Văn X nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Hoàng Anh T, sinh ngày 30/01/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn X, chị Hoàng Thị P được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh X, chị P thực hiện quyền này.

**3.** Về án phí: Miễn cho chị Hoàng Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã Sa Lý, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đức Như**